

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH THI TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2014

Môn thi:

PHÒNG THI SỐ 03

TT	SBD	Số phách	Họ đệm	Tên	Năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Số tờ	Ký nộp bài	Điểm		Ghi chú
									Số	Chữ	
1	069		Nguyễn Bích	Phượng	1990	GV Môn Luật Tổ tụng dân sự					
2	070		Nguyễn Thị	Phượng	1989	GV môn Luật hiến pháp					
3	071		Nguyễn Minh	Quang	1992	GV Môn PL TM hàng hóa và DV QT					
4	072		Trần Thị	Quyên	1992	GV Môn Lý luận NN và PL					
5	073		Nguyễn Anh Hoàng	Sơn	1992	GV Môn Tư pháp quốc tế					
6	074		Vũ Thanh	Tâm	1992	GV Môn Luật Tổ tụng hình sự					
7	075		Vũ Thị	Tâm	1992	GV Môn Lý luận NN và PL					
8	076		Phạm Thị Thanh	Thanh	1992	GV Môn Ngoại ngữ					
9	077		Đỗ Trí	Thành	1992	GV Môn Luật Tổ tụng dân sự					
10	078		Lê Nguyên	Thảo	1992	GV Môn Luật Tổ tụng hình sự					
11	079		Nguyễn Thị Thu	Thảo	1989	GV Môn Luật lao động					
12	080		Phùng Phương	Thảo	1991	GV Môn Tư pháp quốc tế					
13	081		Đào Tiến	Thịnh	1992	GV Môn Luật Tổ tụng hình sự					
14	082		Nguyễn Thị	Thuần	1987	GV Môn Tư pháp quốc tế					
15	083		Trần Thị	Thương	1992	GV Môn Ngoại ngữ					
16	084		Nguyễn Thị Hồng	Thúy	1992	GV môn Luật hiến pháp					
17	085		Nghiêm Thị	Thủy	1992	GV Môn Ngoại ngữ					
18	086		Nguyễn Thị Thanh	Thủy	1990	GV Môn Xã hội học					

19	087		Hoa Huyền	Trang	1991	GV Môn Ngoại ngữ					
20	088		Nguyễn Thu	Trang	1990	GV Môn Luật hành chính					
21	089		Trần Thị Kiều	Trang	1989	GV Môn Luật lao động					
22	090		Trần Thuý Quỳnh	Trang	1991	GV Môn Luật lao động					
23	091		Lê Kiên	Trung	1991	GV Môn Luật Tổ tụng dân sự					
24	092		Bùi Thị Phương	Tú	1992	GV Môn Luật Tổ tụng dân sự					
25	093		Bùi Duy	Tùng	1991	GV Môn Quan hệ kinh tế quốc tế					
26	094		Đào Thị	Tuyền	1990	GV Môn Lý luận NN và PL					
27	095		Nguyễn Thị Hoàng	Uyên	1991	GV Môn Ngoại ngữ					
28	096		Nguyễn Thị Hồng	Vân	1992	GV Môn Luật Tổ tụng dân sự					
29	097		Nguyễn Đức	Việt	1990	GV Môn Tư pháp quốc tế					
30	098		Nghiêm Thị	Xuân	1986	GV Môn Ngoại ngữ					
31	099		Nguyễn Thuận	Yên	1991	GV Môn Tư pháp quốc tế					
32	100		Nông Thị Hồng	Yên	1991	GV Môn Luật Tổ tụng dân sự					
33	101		Trần Thu	Yên	1992	GV Môn PL TM hàng hóa và DV QT					

Số thí sinh theo danh sách:.....

Số thí sinh dự thi:.....

Số thí sinh vắng:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất

Bảng điểm gồm:

Số điểm ≥ 5 :

Số điểm < 5 :

Cán bộ coi thi thứ hai

Người lên điểm

Người kiểm tra điểm

Trưởng ban chấm thi